TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **176**/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 14 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 348/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cẩm Q, sinh năm 1983; HKTT: 196/7 T, phường H, quận T, Thành phố H; Chỗ ở: RS3-19.07 T, phường H, quận T, Thành phố H;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q là: Ông Sin Thoại K, sinh năm 1973; địa chỉ: 454 N, Phường N, Quận B, Thành phố H là Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV T.

- Bị đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1974; HKTT: 196/7 T, phường H, quận T, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T là: Bà Trương Thị P, sinh năm 1994 (Văn bản ủy quyền số 005980 quyển số 03/2022 TP/CC-SCC/HĐGĐ ngày 25/3/2022).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Cẩm Q và ông Lê Quang T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Cẩm Q và ông Lê Quang T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 153, quyển số 01/2010 ngày 01/12/2010 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố H cấp cho bà Q và ông T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên xác nhận vợ chồng có một con chung tên Lê Nhã K, sinh ngày 24/10/2012. Khi ly hôn, hai bên thống nhất giao trẻ Nhã K cho bà Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi con số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu đóng từ tháng 3/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Q, nếu ông T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông Thi còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về quan hệ tài sản:

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nguyễn Cẩm Q về việc chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Bị đơn ông Lê Quang T không có yêu cầu phản tố phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết lại vụ án (đối với tài sản chung của vợ chồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, tất cả do bà Nguyễn Cẩm Q tự nguyện chịu được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà Q đã nộp theo Biên lai thu số 0072055 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Cẩm Q số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 58.500.000 (Năm mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0072054 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố H.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. T;
- Chi cục THADS Q. T;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Chinh